

# VỀ VIỆC TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

ThS. NGUYỄN VĂN THƯƠNG  
Chi hội Mỏ VINACONEX

Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 quy định một trong những nghĩa vụ mà các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải thực hiện là nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ đã quy định rõ về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Với mục đích đảm bảo công bằng trong việc sử dụng nguồn lực tài nguyên của đất nước, nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản,...., việc thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là chủ trương đúng đắn.

Tuy nhiên, có một số vấn đề nảy sinh, cần làm rõ liên quan đến trữ lượng địa chất ghi trong Giấy phép khai thác và việc áp dụng quy định tại Nghị định 203/2013/NĐ-CP để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Người viết xin được đưa ra một ví dụ cụ thể (xin phép không nêu rõ địa danh) để dễ phân tích và nhận xét.

Một Doanh nghiệp A đang được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B xem xét, trình UBND tỉnh B gia hạn Giấy phép khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ C.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đã thông báo cho Doanh nghiệp A về dự thảo Giấy phép và tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Sau khi nghiên cứu dự thảo Giấy phép và tính tiền cấp quyền khai thác, Doanh nghiệp A thấy chưa hợp lý và đã trao đổi nhưng chưa thống nhất được với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B. Theo hiểu biết của mình, Người viết xin đưa ra một số nội dung liên quan đến việc cấp phép và tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho mỏ C như sau:

**1. Một số nội dung chính trong dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản:**

❖ Diện tích khu vực khai thác 93.335 m<sup>2</sup>, được giới hạn bởi các điểm.....;

- ❖ Mức sâu khai thác: +110 m;
- ❖ Trữ lượng địa chất cấp 122: 1.406.482 m<sup>3</sup>;
- ❖ Trữ lượng khai thác cấp 122: 975.432 m<sup>3</sup>;
- ❖ Công suất khai thác 200.000 m<sup>3</sup>/năm;
- ❖ Thời gian khai thác 5 năm.

**2. Về dự thảo tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.**

Theo Nghị định 203/2013/NĐ-CP, ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đã tính như sau:

$T = 1.406.482 \text{ m}^3 \times 1,475 \times 50.000 \text{ đ/m}^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 4 \% = 3.734.209.710 \text{ đồng,}$

Trong đó: 1,475 là hệ số nở ròi; 50.000 đ/m<sup>3</sup> là giá đá nguyên khai tính tiền cấp quyền khai thác do UBND tỉnh B ban hành; 0,9 là hệ số thu hồi khoáng sản khi khai thác bằng phương pháp lộ thiên; 4 % là mức thu tiền cấp quyền khai thác.

**3. Các nội dung Doanh nghiệp A đã trao đổi với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B.**

- ❖ Về trữ lượng ghi trong dự thảo Giấy phép:
  - Trữ lượng địa chất ghi trong Giấy phép lấy theo giới hạn bờ: diện tích cấp phép trên mặt, cắt thẳng đứng (góc dốc 90<sup>0</sup>) và mức sâu khai thác;
  - Trữ lượng khai thác lấy theo Dự án khai thác đá, được xác định: theo các chỉ tiêu tính trữ lượng địa chất, xác định trữ lượng địa chất trong ranh giới mỏ (giới hạn bờ diện tích cấp phép trên mặt, mức sâu khai thác và bờ kết thúc khai thác với góc dốc 52<sup>0</sup>) và nhân với hệ số thu hồi 0,9.

❖ Về Dự án khai thác đá:
 

- Bờ kết thúc mỏ với góc dốc 52<sup>0</sup>, được Tư vấn thiết kế xác định tuân thủ Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 5326:2008 về Kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 04/2009/BCT về An toàn trong khai thác mỏ lộ thiên. Bờ kết thúc khai thác đã được xác định theo điều kiện kỹ thuật và an toàn (theo điều kiện mỏ địa chất cụ thể: cấu trúc, hướng cắm và tính chất

cơ lý của các lớp đất đá trong bờ mỏ, mức độ ngậm nước, chiều cao bờ mỏ, công nghệ và thiết bị khai thác sử dụng...);

- Dự án khai thác đã được lập và trình duyệt theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành về Khoáng sản và Xây dựng (xin ý kiến của Sở Công thương tỉnh B, tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt).

❖ Việc sử dụng trữ lượng địa chất (tính với góc dốc  $90^{\circ}$ ) như ghi trong dự thảo Giấy phép để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vô hình chung buộc Doanh nghiệp A sẽ phải nộp tiền cấp quyền khai thác cho phần trữ lượng phải để lại trong bờ kết thúc theo thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phần trữ lượng này không thể, hay không được phép khai thác theo quy định của QCVN 04/2009/BCT, nên sẽ không hợp lý.

❖ Giả sử sử dụng trữ lượng khai thác để tính tiền cấp quyền khai thác (vận dụng Điểm b, Khoản 1, Điều 6 của Nghị định 203/2013/NĐ-CP) thì số tiền cấp quyền khai thác sẽ được tính như sau:

$T = 975.432 \text{ m}^3 / 0,9 \times 1,475 \times 50.000 \text{ đ/m}^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 4\% = 2.877.524.400 \text{ đồng.}$

❖ Như vậy, nếu tiền cấp quyền khai thác tính theo trữ lượng địa chất, Doanh nghiệp A phải nộp 3.735.006.210 đồng; nếu tính theo trữ lượng khai thác, Doanh nghiệp A phải nộp 2.877.524.400 đồng (chênh lệch 856.685.310 đồng). Với một Giấy phép, tính theo các loại trữ lượng khác nhau, số tiền cấp quyền sẽ phải nộp lại khác nhau, như vậy là không hợp lý.

❖ Với các điểm không hợp lý mà Doanh nghiệp A nêu trên, Phòng Khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đã đưa ra ý kiến là Doanh nghiệp có thể xem xét thiết kế lại để đảm bảo hệ số thu hồi khoáng sản (so với trữ lượng địa chất, tính với góc dốc  $90^{\circ}$ , ghi trong Giấy phép) đạt 0,9. Doanh nghiệp A khẳng định điều này là không thể được, vì khi đó sẽ vi phạm TCVN 5326:2008 và QCVN 04/2009/BCT.

❖ Theo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B, trữ lượng địa chất ghi trong Giấy phép là trữ lượng tính với góc dốc  $90^{\circ}$ . Khi đó, hệ số thu hồi khoáng sản khi khai thác bằng phương pháp lộ thiên quy định cứng là 0,9 như Nghị định 203/2013/NĐ-CP cho tất cả các mỏ có điều kiện mỏ địa chất khác nhau là không hợp lý (có lẽ chỉ đúng với mỏ không để lại bờ kết thúc khai thác, như trường hợp mỏ khai thác toàn bộ một ngọn núi) và thực tế nó sẽ nhỏ hơn nhiều (đặc biệt, đối với trường hợp mỏ có đất đá trong bờ mỏ cấu trúc dạng lớp có bề mặt yếu cắm xuôi vào không gian khai thác với góc dốc thoải, hoặc đất đá thuộc loại mềm và bờ rời,...). Cụ thể, đối với mỏ đá C của Doanh nghiệp A, theo

thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hệ số thu hồi khoáng sản chỉ đạt là  $975.432/1.406.482 = 0,6935$ .

❖ Việc hiểu và đưa vào Giấy phép trữ lượng địa chất với góc dốc  $90^{\circ}$  như Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B là chưa đúng. Vì: đó chỉ là trữ lượng địa chất thân khoáng trong diện tích được phép khai thác, chứ không phải là trữ lượng địa chất được phép khai thác. Trữ lượng địa chất được phép khai thác là trữ lượng địa chất (xác định theo các chỉ tiêu tính trữ lượng địa chất) mà Doanh nghiệp có thể khai thác được trong ranh giới mỏ được xác định trong dự án khai thác được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc hiểu như Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B, không những gây ra những bất cập khi áp dụng Nghị định 203/2013/NĐ-CP như nêu trên, mà còn vi phạm QCVN 04/2009/BCT vì không để lại bờ mỏ theo điều kiện an toàn (tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý nhà nước về khai thác khoáng sản bằng phương pháp lộ thiên là một trong những đối tượng quy định tại Điều 1 của Quy chuẩn này phải áp dụng).

❖ Hệ số thu hồi khoáng sản 0,9 như quy định tại Nghị định 203/2013/NĐ-CP, phải được hiểu là do tổn thất khai thác 10 % (gồm tổn thất khi bóc tách đất đá phủ ở vách vỉa + để lại ở trụ vỉa + khi bóc tách các lớp đất đá kẹp trong thân khoáng có chiều dày đủ lớn cần phải bóc tách) so với trữ lượng địa chất trong ranh giới mỏ được xác định trong dự án khai thác mỏ được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổn thất 10 % như quy định trên không bao gồm phần để lại trong bờ mỏ thiết kế.

#### 4. Kiến nghị

Với các ý kiến trên, để tuân thủ các quy định hiện hành của Pháp luật về Khoáng sản và Pháp luật khác có liên quan, Doanh nghiệp A đã kiến nghị:

❖ Nếu dự thảo Giấy phép vẫn ghi trữ lượng địa chất (tính với góc dốc  $90^{\circ}$ ) và cả trữ lượng khai thác như nêu trên thì sử dụng trữ lượng khai thác để tính tiền cấp quyền khai thác. Khi đó sẽ giải tỏa được vướng mắc, giúp cho Doanh nghiệp thực hiện đúng, đủ và hài hòa giữa trách nhiệm và quyền lợi trong việc nộp tiền cấp quyền và trữ lượng khoáng sản khai thác được;

❖ Nếu buộc sử dụng trữ lượng địa chất để tính tiền cấp quyền khai thác như quy định tại Nghị định 203/2013/NĐ-CP, thì trữ lượng địa chất ghi trong Giấy phép phải là trữ lượng địa chất trong ranh giới mỏ được xác định trong dự án khai thác được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cụ thể, đối với mỏ đá C

(Xem-tiếp trang 63)

quyền lợi sau này.

**2.3. Thu xếp vốn**

Ngoại trừ dự án NMNĐ Vũng Áng đã thu xếp vốn thành công, các dự án còn lại của PVN vẫn đang trong giai đoạn đàm phán hoặc lên phương án thu xếp vốn. Vấn đề thu xếp vốn được chuyển giao trách nhiệm cho các tổng thầu EPC, vì quyền lợi của mình liên quan đến các điều kiện vay, thời gian vay và loại hình vay (tín dụng xuất khẩu-ECA hay thương mại) do đó cần sự tham gia và hỗ trợ của chủ đầu tư trong công tác này.

**3. Các rủi ro khác**

Ngoài hai nhóm rủi ro chính nêu trên, các dự án NMNĐ của PVN có thể gặp các rủi ro khác như lạm phát, khủng hoảng tài chính, tỉ giá giữa ngoại tệ và nội tệ, các rủi ro về thời tiết, nhân công....

**4. Kết luận**

Rủi ro nêu trên của dự án NMNĐ luôn nằm ở tương lai, là một điều kiện không chắc chắn và luôn hiện hữu, nếu xảy ra thì cũng ảnh hưởng đến ít nhất một mục tiêu của dự án, có thể dẫn đến nhiều hậu quả tai hại hoặc có thể là phạm vi công việc, tiến độ, chi phí hay chất lượng công trình. Do đó việc định dạng rủi ro, thiết lập các biện pháp giảm thiểu, hình thành kế hoạch quản lý dự án, thành lập ban quản lý dự án mạnh, chuyên nghiệp để kiểm soát tốt và điều hoà rủi ro nhằm giữ vững các mục tiêu dự án là điều cần thiết. □

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đề án cung cấp than cho các NMNĐ đến năm 2020, tầm nhìn 2030 của Bộ Công Thương báo cáo Chính phủ 7/2012.
2. Project Risk Management Guidelines 2005 – John Wiley & Son Ltd.
3. A guide to project management body of knowledge – Project Management Institute 2008.
4. Co-firing Technology for Vietnam Workshop - Jcoal 2012.
5. EPC Contract Management Workshop – Jcoal 2012.

**Người biên tập: Nguyễn Bình**

**SUMMARY**

The paper shows some study results of the problem formatting the risks acting on the investment projects of the thermoelectricity plants in PVN Corporation.

**VỀ VIỆC TÍNH TIỀN...**

(Tiếp theo trang 59)

của Doanh nghiệp A, theo Dự án khai thác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trữ lượng địa chất trong ranh giới mỏ là 1.083.813 m<sup>3</sup>. Khi đó, tất cả các vấn đề không hợp lý nêu trên đều được giải quyết và các quy định của Nghị định 203/2013/NĐ-CP hoàn toàn đúng.

Tóm lại: việc một số người từng cho là khi áp dụng Nghị định 203/2013/NĐ-CP để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản sẽ gặp một số bất cập là không đúng, mà điểm mấu chốt là do họ hiểu và đưa trữ lượng địa chất vào Giấy phép khai thác chưa đúng. □

**Người biên tập: Trần Văn Trạch**

**SUMMARY**

The paper offers of the some ideas for the problem calculating the money sum for the applying the rights to exploitation for mining companies in real conditions in Vietnam.

**BẠC THẠM - CỐ ĐẠO**

1. Gieo một hạt tình bạn, gặt một bó hạnh phúc. *Louis L. Kaufman.*
2. Thông minh tài trí là đòn bẩy thúc đẩy trí tuệ. *Balzac.*
3. Người quá coi trọng tình yêu sẽ mất đi tài sản và trí tuệ. *Bacon.*
4. Đạo đức không có gì hơn là lòng tôn kính cuộc sống. *Albert Schweitzer.*
5. Khi bạn quay lưng về phía mặt trời, bạn chỉ nhìn thấy cái bóng của mình. *Gibran.*
6. Dựa vào trí tuệ có thể thắng được tài sản, nhưng không có người nào có thể dùng tài sản để đổi lấy trí tuệ. *Taylor.*
7. Hạnh phúc giống như những lâu đài trong chuyện cổ tích với cổng được rồng canh gác: chúng ta phải chiến đấu để chinh phục nó. *Alexandre Dumas.*
8. Suốt đời tôi xưa nay chưa có phát minh nào tinh cò. Mọi phát minh của tôi đều là kết quả của sự suy nghĩ kỹ càng, thí nghiệm nghiêm túc. *Edison.*

**VTH sưu tầm**